

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂY SƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 14/5/2021

“V/v Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Huỳnh Tâm

2. Ông Bùi Đức Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Phước – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thìn – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn T, sinh năm 1963 (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị T1, sinh năm 1966 (Có mặt)

Đồng trú địa chỉ: Xóm NH, thôn KN, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Tây Sơn

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đình T2 – Giám đốc

Địa chỉ: 09 QT, thị trấn PP, huyện TS, tỉnh Bình Định (Có đơn xin xử vắng mặt).

2. Ông Trịnh N, sinh năm 1956

Địa chỉ: Xóm NH, thôn KN, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định. (Có đơn xin xử vắng mặt).

3. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Tây Sơn

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T3 – Giám đốc Phòng giao dịch huyện Tây Sơn.

Đại diện theo ủy quyền bà Trần Thị Thúy N – Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam huyện Tây Sơn theo văn bản ủy quyền số 107/QĐ-PGD ngày 22/6/2020 (Có đơn xin xử vắng mặt).

4. Anh Trần Hồng K, sinh năm 1993

5. Chị Trần Thị Thúy N1, sinh năm 2000

Đều cùng địa chỉ: Thôn KN, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định.

(Anh K và chị N1 đều có đơn xin xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12-10-2020 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Trần Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trịnh Thị T1 quen biết tìm hiểu tự nguyện đi đến hôn nhân với nhau từ năm 1985, có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau cưới vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ ông một thời gian ngắn thì ra ở riêng, đến năm 1987 vợ chồng mua đất xây nhà tại xóm Ngãi Hội, thôn Kiên Ngãi ở đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về kinh tế, bà T1 quản lý tài sản, tự ý bán chi tiêu cho cá nhân. Bà T1 không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, xúi giục con trai hành hung đánh ông. Tuy là vợ chồng chung sống một nhà nhưng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm gì đến cuộc sống của ai. Do đó, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T1.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Quốc Tuấn, sinh năm 1986 (đã chết); Trần Hồng K, sinh ngày 01/9/1993; Trần Thị Thúy N1, sinh ngày 01/02/2000. Hiện nay anh K và chị N1 đã trưởng thành có khả năng lao động để nuôi sống bản thân nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chung gồm:

+ Nợ 50.000.000 đồng của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Tây Sơn;

+ Nợ 34.000.000 đồng tiền mua vật liệu xây dựng của ông Trịnh N – Đại lý vật liệu xây dựng Hoàng Ngân;

+ Nợ 15.000.000 vay sinh viên của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Tây Sơn

Ly hôn vợ chồng mỗi người có trách nhiệm trả ½ số nợ chung.

Tại bản tự khai ngày 30-10-2020 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Trịnh Thị T1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, bà đồng ý với lời khai của ông Trần Văn T. Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng thì bà cho rằng vợ chồng sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Ông Thịnh yêu cầu ly hôn thì bà không đồng ý vì bà vẫn còn tình cảm với ông T và mong muốn vợ chồng đoàn tụ

vì hiện nay vợ chồng vẫn còn 02 người con chưa lập gia đình, bà không muốn chuyện ly hôn của vợ chồng làm ảnh hưởng đến tương lai của các con sau này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Đình T2 – Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định trình bày: Ngày 21/12/2018 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn huyện Tây Sơn (Agribank Tây Sơn) có cho vợ chồng ông Trần Văn T, bà Trịnh Thị T1 vay số tiền 50.000.000 đồng. Mục đích vay: Chăn nuôi bò; Thời hạn vay 36 tháng; Thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 21/12/2021; Dư nợ gốc đến ngày 26/10/2020: 49.000.000 đồng; Tiền lãi chưa trả từ ngày 17/7/2020 đến ngày 26/10/2020: 1.556.186 đồng. Vợ chồng ông T bà T1 có thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AC 832863 do UBND huyện Tây Sơn cấp cho vợ chồng ông T, bà T1 ngày 07/2/2007. Nay vợ chồng ông T, bà T1 ly hôn thì Agribank Tây Sơn yêu cầu vợ chồng ông T1, bà T1 phải có trách nhiệm trả nợ số tiền gốc 49.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo thực tế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh N trình bày: Vợ chồng ông Trần Văn T, bà Trịnh Thị T1 có mua vật liệu xây dựng và còn nợ của ông số tiền là 34.000.000 đồng chưa trả. Nay vợ chồng ông T, bà T1 ly hôn ông yêu cầu ông T, bà T1 có nghĩa vụ trả khoản nợ 34.000.000 đồng cho ông.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Tây Sơn trình bày: Ngày 18/10/2018 Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam (NHCSXH) – Phòng giao dịch huyện Tây Sơn có cho hộ bà Trịnh Thị T1 vay số tiền 15.000.000đ, lãi suất vay 6,6%/năm, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 18/3/2025. Nay ông T, bà T1 ly hôn, NHCSXH – Phòng giao dịch huyện Tây Sơn yêu cầu được thu hồi khoản vay trên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Trần Hồng K và chị Trần Thị Thúy N1 trình bày: Anh, chị là con của ông Trần Văn T và bà Trịnh Thị T1. Cha mẹ anh, chị (ông T, bà T1) có vay của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn, chi nhánh huyện Tây Sơn số tiền 50.000.000 đồng và NHCSXH Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Tây Sơn số tiền 15.000.000 đồng là vay theo hộ gia đình, hiện nay chưa trả. Nay ông T xin ly hôn bà T1 thì anh, chị mong muốn cha mẹ đoàn tụ để cùng nhau lo làm ăn để trả các khoản nợ trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu việc tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người liên quan đã thực hiện đúng

các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:* Căn cứ Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T về việc xin ly hôn bà Trịnh Thị T1. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông T phải chịu 300.000 đồng. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông T nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung, không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Văn T có đơn khởi kiện Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn giải quyết vụ án hôn nhân thì bà Trịnh Thị T1 đang cư trú tại xóm NH, thôn KN, xã BT, huyện TS, tỉnh Bình Định. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn T và bà Trịnh Thị T1 tự nguyện tổ chức cưới hỏi, chung sống như vợ chồng với nhau vào năm 1985, không có đăng ký kết hôn. Theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình thì “*Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03 tháng 01 năm 1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình*”. Như vậy, mặc dù cả hai không có đăng ký kết hôn nhưng hôn nhân giữa ông T và bà T1 là hôn nhân thực tế, được pháp luật công nhận.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo trình bày của ông Trần Văn T và bà Trịnh Thị T1 trong các phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm có cơ sở xác định. Từ khi ông T, bà T1 kết hôn đến cuối năm 2016 thì vợ chồng ông T, bà T1 chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì xảy ra. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ông T, bà T1 chỉ mới phát sinh từ tháng 10/2019, nguyên nhân mâu thuẫn là do bà T1 đi vào thành phố Hồ Chí Minh thăm ở với con, không chăm lo cho ông T nên ông không muốn chung sống với bà T1 nữa.

Trong đơn khởi kiện ông Trần Văn T trình bày lý do ông xin ly hôn bà T1 vì bà T1 quản lý tài sản, tự ý bán chi tiêu cho cá nhân. Bà T1 không chung thủy trong quan hệ vợ chồng, xúi giục con trai hành hung đánh ông nhưng ông không đưa ra được chứng cứ. Xét thấy ông T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2016 nhưng

trong thời gian này bà T1 bị bệnh u bướu phải đi điều trị ở thành phố Hồ Chí Minh. Ông T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà T1 nhưng không đưa ra chứng cứ chứng minh hôn nhân của ông và bà T1 đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích không đạt được. Tại phiên tòa hôm nay ông T thừa nhận mâu thuẫn giữa ông và bà T1 là mâu thuẫn nhỏ nhất do bà T1 không lo cơm nước cho ông.

Xét thấy lý do mà ông Trần Văn T đưa ra để cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và xin ly hôn bà T1 là chưa có tính thuyết phục. Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trịnh Thị T1 không thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng như ông T đã trình bày trong đơn khởi kiện, đồng thời bà T1 cũng xác định bà vẫn còn tình cảm với ông T luôn tha thiết mong Tòa án hòa giải, động viên để vợ chồng đoàn tụ, hứa sẽ có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, để tạo điều kiện cho ông T, bà T1 có thời gian suy nghĩ và có quyết định chính xác đối với vấn đề hôn nhân của mình. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn T về việc xin ly hôn với bà Trịnh Thị T1.

Ông Trần Văn T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn sau 01 năm, kể từ ngày bản án của Tòa án bác đơn ly hôn có hiệu lực pháp luật.

[3] Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn T nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, và khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006883 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn (đã nộp xong).

[5] Lời phát biểu ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;
- Áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Trần Văn T về việc xin ly hôn bà Trịnh Thị T1.

2. Ông Trần Văn T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn sau 01 năm, kể từ ngày bản án của Tòa án bác đơn ly hôn có hiệu lực pháp luật.

3. Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Trần Văn T đối với bà Trịnh Thị T1 nên các vấn đề về con chung, tài sản chung, nợ chung. Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006883 ngày 13/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn (đã nộp xong).

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/5/2021), những người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THADS huyện Tây Sơn;
- UBND xã Bình Thành;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Minh Trí